**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH TRỰC TIẾP KHDN**

*(Áp dụng cho cấp thẩm định trực tiếp là cấp tại ĐVKD)*

1. **Thông tin chung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Chi tiết** |
| 1 | Tên doanh nghiệp | Công ty CP Công nghệ Viking |
|  | *Đại diện* | *Ông Nguyễn Tuấn Dũng Chức vụ: Giám đốc* |
| 2 | Nhu cầu của khách hàng | Phát hành bảo lãnh |
| 3 | Mục đích cấp tín dụng | Phát hành bảo lãnh |
| 4 | TSBĐ | STK |
| 5 | Ngày tiếp xúc/thẩm định thực tế | 18/02/2021 |
| 6 | Người thực hiện 1 | Nguyễn Tiến Lập |
| 7 | Người thực hiện 2 | Trần Hồng Quân |

1. **Các nội dung thẩm định cụ thể**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông tin cần thẩm định trực tiếp** | **TRẢ LỜI CỦA KH** | 🗹 **Đã thẩm định**  ⌧ **Chưa thẩm định** |
| **Nội dung**  **phỏng vấn trực tiếp** |
| 1. **Thông tin chung về khách hàng** | | | |
| **I** | **Thông tin chung** | | |
| 1 | Lịch sử hình thành, cơ cấu cổ đông, tỉ lệ góp vốn của các thành viên? | Công ty thành lập từ năm 2010 theo hình thức Công ty CP, Chủ sở hữu công ty là ông Dũng góp 95% vốn | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 2 | Ngành nghề kinh doanh chính của KH là gì? | Tin học | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 3 | Kinh nghiệm/năng lực của lãnh đạo chủ chốt | Ông Dũng đã có 10 năm kinh nghiệm trong ngành | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 4 | Thông tin về cơ cấu tổ chức, nhân sự | Nhân sự công ty 10 cán bộ công nhân viên, bao gồm: Giám đốc, 02 Kế toán – Hành chính, 06 nhân viên kỹ thuật, 02 nhân viên kinh doanh | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 5 | Thông tin cơ bản về văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, TSCĐ,… | Văn phòng của công ty đặt tại Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N1, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 6 | Ảnh chụp văn phòng, cơ sở sản xuất, kinh doanh | Đã có | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 7 | Thông tin về người có liên quan và người có liên hệ (nếu có) | Không có | 🗹 **Đã thẩm định** |
| **II** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | | |
| 1 | Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính là gì? | Tin học | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 2 | Quy trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của KH | KH thực hiện hợp đồng | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 3 | Các yếu tố chính ảnh hưởng đến hoạt động sxkd của KH (tính cạnh tranh, mùa vụ, rủi ro,…) | Cạnh tranh từ các công ty khác | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 4 | *Thị trường đầu vào*   * Nguồn cung ứng đầu vào, số lượng KH đầu vào, chất lượng hàng hóa dịch vụ, sự ổn định của các nhà cung cấp, biến động giá cả đầu vào,… * Phương thức thanh toán, chính sách công nợ với các KH đầu vào,… | Số lượng nhà cung cấp đầu vào phong phú, đã quan hệ lâu năm với KH | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 5 | *Thị trường đầu ra*   * Một số các KH đầu ra lớn (loại hàng hóa giao dịch, phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, chính sách công nợ,…) * Phân đoạn, phân khúc khách hàng mục tiêu. * Khả năng cạnh tranh của KH, ưu thế của sản phẩm/dịch vụ * Chính sách phân phối sản phẩm, chính sách bán hàng? | Trung tâm công nghệ phần mềm và GIS, Cty TNHH MTV Việt – Sing Tyre, Cty CP Máy Thiết bị dầu khí,… | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 1. **Nhu cầu tín dụng** | | | |
| 1 | Nhu cầu cấp tín dụng | Phát hành bảo lãnh | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 2 | Mục đích sử dụng vốn | Phát hành bảo lãnh | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 3 | Kế hoạch trả nợ |  | 🗹 **Đã thẩm định** |
| * Kế hoạch kinh doanh trong 12 tháng tới. | Thực hiện hợp đồng | 🗹 **Đã thẩm định** |
| * Tổng nhu cầu vốn cần cho hoạt động sxkd sắp tới? Số vốn cần TPBank tài trợ. |  | 🗹 **Đã thẩm định** |
| * Kế hoạch trả nợ/Nguồn tiền trả nợ | Nguồn trả nợ lấy từ toàn bộ lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 4 | Khả năng chuyển nguồn thu về TK tại TPBank |  | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 1. **Tình hình tài chính** | | | |
| 1 | BCTC của Công ty là báo cáo kiểm toán hay nội bộ? | BCTC thuế | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 2 | Có sự chênh lệch Doanh thu nội bộ và Doanh thu thuế không? Có thể cung cấp hồ sơ chứng minh không? | Doanh thu thuế bằng Doanh thu ghi nhận nội bộ. Có Tờ khai thuế năm 2020 để chứng minh | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 3 | Tỉ lệ tăng trưởng doanh thu, tỉ suất lợi nhuận theo lĩnh vực kinh doanh chính, sản phẩm chính,… | Tỷ suất lợi nhuận 1.5% | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 5 | *Phải thu, HTK, phải trả:*   * Có KPT khó đòi không? Chính sách công nợ với đầu ra như thế nào? * Hàng tồn kho nhiều hay ít? Chủ yếu là loại hàng hóa gì? Có luân chuyển không? Chính sách hàng tồn kho thế nào? * Phải trả: KH có được nợ đầu vào không? Thời gian nợ? KH đang có quan hệ với TCTD nào? Dư nợ, lãi suất, phí? | Công ty không có khoản phải thu khó đòi.  Hàng tồn kho luân chuyển liên tục.  Khách hàng được nợ đầu vào tùy từng đôi tác  Khách hàng không có vay nợ | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 1. **TSBĐ** | | | |
| 1 | TSBĐ định thế chấp | STK | 🗹 **Đã thẩm định** |
| 2 | Pháp lý chủ tài sản, mối quan hệ với chủ tài sản | Chủ tài sản là GĐ công ty | 🗹 **Đã thẩm định** |

|  |
| --- |
| **ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG[[1]](#footnote-1)** |
|  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Đánh giá chung của ĐVKD về KH** | | **Đánh giá** | | | **Ghi chú** | | |
| 1 | Điểm mạnh, điểm yếu của khách hàng so với các KH khác cùng quy mô, ngành nghề kinh doanh (nếu có) | | Có điểm mạnh  Không có điểm mạnh  Có điểm yếu  Không có điểm yếu | | | Điểm mạnh: Lãnh đạo công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành  Điểm yếu: Quy mô công ty còn nhỏ, hoạt động phụ thuộc chủ yếu vào một số đối tác đầu ra. | | |
| 2 | Thiện chí của Chủ DN khi cung cấp thông tin, hồ sơ | | Tốt  Trung bình  Thấp | | |  | | |
| 3 | Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh | | Tốt  Trung bình  Thấp | | |  | | |
| 4 | Độ chính xác của các thông tin cung cấp với số liệu tại hồ sơ | | Tốt  Trung bình  Thấp | | |  | | |
| 4 | Rủi ro (nếu có) | | Có rủi ro  Không có rủi ro | | | Rủi ro do công nghệ ảnh hưởng đến tiến độ thi công. | | |
| 5 | Đề xuất của ĐVKD | | Tốt  Trung bình  Thấp | | | Khách hàng hoạt động minh bạch, có lợi nhuận tốt. ĐVKD đề xuất cho khách hàng vay vốn. | | |
| **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KINH DOANH** | | | | | | | |
| **CVKH thẩm định trực tiếp** | | **Lãnh đạo P.KD** (nếu có)[[2]](#footnote-2) | | | **Lãnh đạo ĐVKD** (nếu có)[[3]](#footnote-3) | | |
| **Lưu ý:** ĐVKD insert ảnh chụp cơ sở vật chất, văn phòng, kho bãi,…theo quy định của KH theo đúng yêu cầu được nêu tại Quy chế về danh mục hồ sơ tín dụng (QC08/TD) các sửa đổi kèm quy chế kèm theo (nếu có) vào các ô này | | | | | | |
|  | | | |  | | |
| **C:\Users\lapnt\Desktop\Công ty Secam\Ảnh công ty\20190423_103808_resized.jpg** | | | |  | | |

1. () Đại diện ĐVKD ký vào Biên bản này được hiểu là cá nhân có chức vụ cao nhất tham gia tại buổi làm việc trực tiếp, gặp gỡ ĐVKD. [↑](#footnote-ref-1)
2. Được hiểu là nếu trường hợp hồ sơ bắt buộc cấp lãnh đạo P.KD phải TĐTT KH thì cấp này phải ký và ghi rõ họ tên [↑](#footnote-ref-2)
3. Được hiểu là nếu trường hợp hồ sơ bắt buộc cấp lãnh đạo P.KD phải TĐTT KH thì cấp này phải ký và ghi rõ họ tên [↑](#footnote-ref-3)